TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9- 2019
V/v " Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Thành Nhiều

2. Ông Nguyễn Ngọc Chúc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên toà:*

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc " Tranh chấp ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2019 ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đinh Tấn L, sinh năm: 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 0, ấp Tân B, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 0, ấp Tân B, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Tấn L trình bày:

Anh Đinh Tấn L và chị Nguyễn Thị Diệu H chung sống với nhau vào năm 2012 không tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang ngày 11/7/2012. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị c- ỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mục đích hôn nhân không được như ý nguyện.

Nay, anh L xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

- Veà con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Thị Như Y, sinh ngày 15-4-2013 hiện nay cháu Như Y đang ở với chị H.

- Veà taøi saûn chung cuûa vôï choàng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Veà phaàn nôï: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đinh Tấn L vẫn giữ nguyên yêu cầu:

- Veà quan heä hoân nhaân: Anh L yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu H.

- Veà con chung: Anh L đồng ý giao con tên Đinh Thị Như Y, sinh ngày 15-4-2013 cho chị Nguyễn Thị Diệu H, trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về taøi saûn chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Veà phaàn nôï: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị Diệu H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng chị H đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn bị đơn chị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà 1, tổ 0, ấp Tân B, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Diệu H đã được triệu tập và niêm yết hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Căn

cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh Đinh Tấn L và chị Nguyễn Thị Diệu H được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang số: 41/2012; quyển số:01/2012 ngày 11/7/2012 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh L thấy rằng sau khi kết hôn anh Lvà chị H chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh L và chị H đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau điều này chứng tỏa tình trạng hôn nhân không đạt được mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghiã vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,….".

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết họp lệ cho chị H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để Tòa án động viên anh chị quay về đoàn tụ tiếp tục cuộc sống hôn nhân và nuôi dạy con chung nhưng chị H điều vắng mặt không có lý do. Đều này chứng tỏa chị H bỏ mặc không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh L nữa.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L.

[4] Về con chung: Anh L xác nhận vợ chồng có một con chung tên Đinh Thị Như Y, sinh ngày 15-4-2013, anh L đồng ý giao con tên Đinh Thị Như Y, sinh ngày 15-4-2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu giao con của anh L Hội đồng xét xử xét thấy rằng từ khi ly thân đến nay cháu Như Y ở với chị H tâm sinh lý phát triển bình thường hiện nay cháu Như Ý còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ để trách xáo trộn và phát triển tâm sinh lý của cháu Như Ý. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh L. Tiếp tục giao cháu Đinh Thị Như Y, sinh ngày 15-4-2013 cho

chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Như Y đủ 18 tuổi. Anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đinh Tấn L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Đinh Tấn L.

2.Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Tấn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu H.

3. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đinh Thị Như Y, sinh ngày 15-4-2013 cho chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Như Y đủ 18 tuổi. Anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đinh Tấn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:0003397 ngày 20/6/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh L đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Anh Đinh Tấn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Diệu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân H;
- UBND xã Tân H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ